

**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA 17T4, 18T4, 19T4 CHƯA HOÀN TẤT ĐÓNG HỌC PHÍ
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2019-2020 ĐẾN NGÀY 18/06/2020**

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Lớp	Công nợ học phí	Công nợ thu khác	Tổng công nợ	GHI CHÚ
1	18000490	Võ Đình Hoài	An	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
2	18000724	Võ Duy	An	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
3	18001541	Trần Trọng	Đại	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
4	18000271	Phạm Công	Danh	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
5	18001383	Phạm Thư	Đạo	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
6	18001303	Lê Quang	Hải	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
7	18000829	Lê Trí	Hải	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
8	18001164	Nguyễn Vũ Minh	Hiếu	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
9	18000949	Lê Thanh	Hoàng	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
10	18000784	Nguyễn Huy	Hoàng	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
11	18000788	Phạm Quang	Huy	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
12	18000055	Huỳnh Xuân	Khang	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
13	18000067	Bùi Duy	Khiêm	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
14	18004242	Triệu Thành Minh	Khôi	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
15	18003915	Phan Hoài	Nam	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
16	18000518	Đặng Triệu	Nghi	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
17	18000735	Nguyễn Hoàng	Phát	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
18	18001229	Ông Tấn	Phát	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
19	18000094	Trịnh Thanh	Phát	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
20	18000417	Kim Minh	Quân	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
21	18004845	Lê Nguyễn Trung	Quân	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
22	18001429	Trần Minh	Quý	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
23	18000983	Lê Thanh	Tài	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
24	18000309	Hoàng Trọng	Tấn	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
25	18004200	Nguyễn Hiếu	Thanh	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
26	18001034	Nguyễn Hoàn Thiện	Toàn	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
27	18000541	Nguyễn Thanh	Trọng	18T4-CMT1	5,658,000	335,000	5,993,000	
28	18001492	Phạm Thanh	Trọng	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
29	18002594	Lê Nguyễn Nam	Trung	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
30	18000026	Nguyễn Ngọc	Trung	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
31	18000297	Huỳnh Thanh	Tú	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
32	18000989	Nguyễn Minh	Tú	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	
33	18003895	Bùi Văn Anh	Vũ	18T4-CMT1	5,658,000	140,000	5,798,000	